

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 92/2023/QĐST- DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Anh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 252/2021/TLST - DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc Tranh chấp thừa kế.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955; Nơi cư trú tại thôn P, xã M, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt

3.3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; Nơi cư trú: thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội; Có mặt

3.4. Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1957 (là vợ ông P)

3.5. Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1992 (là con ông P, bà A)

3.6. Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991 (là con ông P bà A).

Đều cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện Đ, Hà Nội

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P, bà A, anh Q, chị L: Luật sư Ngô Thị Thu T – Công ty Luật TNHH Ngô T – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

5. Người đại diện theo uỷ quyền của bà H, bà M, bà M1, bà H1: Ông Nguyễn Tiến P1, sinh năm 1987; Cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội.

6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Phạm Thị T1 – Công ty Luật TNHH Thu H – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ huyết thống, diện và hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1932, chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1930, chết năm 2017. Cụ Đ, cụ N sinh được 05 người con lần lượt là Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955, bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963. Ngoài ra, cụ Đ, cụ N có 01 người con là Nguyễn Văn Đ nhưng chết khi sinh non. Bố đẻ cụ Đ là cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1906 – chết năm 1968 và mẹ đẻ của cụ Đ cụ Lê Thị S, sinh năm 1903 – chết năm 1945; Bố đẻ cụ N là Nguyễn Văn T và mẹ đẻ cụ N là Lê Thị V chết khi cụ N mới 8-9 tuổi; Ngoài ra, cụ Đ, cụ N không còn có con đẻ, con nuôi hay con riêng nào khác.

2. Về di sản thừa kế của vợ chồng cụ Đ, cụ N:

Di sản của cụ Đ và cụ N là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 diện tích 398m² (trong đó có 300m² đất ở và 98m² đất vườn) tại thôn P, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2002, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00582 QSDĐ/Mai Lâm đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị N hiện gia đình ông Nguyễn Văn P đang quản lý và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên. Ngày 20/11/2003, cụ N và các con đã chuyển nhượng 80m² đất vườn cho ông Nguyễn Xuân T3 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 272/HĐ-CN. Ngày 20/11/2003, cụ N và các con đã chuyển nhượng 80m² đất vườn cho ông Hoàng Văn T4 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 271/HĐ-CN. Như vậy di sản của cụ Đ, cụ N còn lại là 238m² đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 tại thôn P, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2002 đứng tên hộ gia đình cụ

Nguyễn Thị N và đã được Phòng Địa chính, Nhà đất và đô thị huyện Đông Anh đăng ký biến động ngày 05/3/2004.

3. Nay các đương sự thống nhất phân chia như sau:

3.1. Bà H, bà H1, bà M, bà M1 thống nhất ký phân thừa kế của các bà được hưởng của cụ Đ, cụ N giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp quản lý sử dụng, sở hữu.

3.2. Ông P, anh Q, bà A, chị L thống nhất phân thừa kế của ông P giao cho ông Nguyễn Văn P trực tiếp quản lý sử dụng, sở hữu.

3.3. Đối với phần đất đã chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 272/HĐ-CN ngày 20/11/2003 giữa cụ N và các con cho ông Hoàng Xuân Thái và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 271/HĐ-CN ngày 20/11/2003 cho ông Nguyễn Xuân Thúc do đã chuyển nhượng xong nên không yêu cầu giải quyết.

3.4. Đối với “Bản di chúc ghi ngày 16/5/1998” của cụ Nguyễn Văn Đ và bản di chúc: thoả thuận quyền thừa kế nhà đất bất động sản ghi ngày 05-2-2001 của cụ Nguyễn Thị N: Các đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét giải quyết theo pháp luật mà giải quyết theo thoả thuận của các bên.

3.5. Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp quản lý, sở hữu và sử dụng phần diện tích đất là 83.9m² đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 thôn P, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội cùng toàn bộ các tài sản trên đất gồm 01 lán proximang, sân xi măng, một phần sân gạch đỏ, một phần lán nuôi gà lợp proximang, tường bao và các tài sản, cây cối lâm lộc khác trên phần đất 83.9m² nêu trên, có vị trí: phía tây giáp gia đình anh Thành, phía đông giáp đường làng, phía bắc giáp đất nhà bà Ngọc, phía nam giáp phần đất của ông P được quản lý, sử dụng. Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá thì có giá trị là 83.9m² x 35.000.000đ/m² = 2.936.500.000đ.

3.6. Ông Nguyễn Văn P trực tiếp quản lý, sở hữu, và sử dụng phần diện tích đất là 154.1m² đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 thôn P, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội cùng toàn bộ các tài sản trên đất gồm ngôi nhà 3 tầng, cổng, cánh cổng sắt, tường bao, sân gạch đỏ, khu phụ vệ sinh và các tài sản, cây cối lâm lộc khác trên phần đất 154.1m² nêu trên, có vị trí: phía tây giáp gia đình anh Thành, phía đông giáp đường làng, phía nam giáp bà Tuấn, phía Bắc giáp phần đất của bà H được giao quản lý, sử dụng. Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá thì có giá trị là 154.1m² x 35.000.000đ = 5.393.500.000đ.

3.7. Đối với các tài sản trên đất được chia của ai thì người đó có quyền được trực tiếp sở hữu và sử dụng và không phải thanh toán cho nhau bằng tiền.

*** Ranh giới đất:** Có hồ sơ kỹ thuật kèm theo quyết định của Toà án.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P được giao quyền quản lý, sở hữu và sử dụng đất thì có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông P không giao giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và theo quyết định của Tòa án hoặc đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 116 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.083.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0045954 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Đông Anh;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng